DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 1314 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** 19 ***tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Trung tâm Phân tích - Kiểm nghiệm TVU**
Laboratory:	***TVU Center for Product Evaluation***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Trường Đại học Trà Vinh**
Organization:	***Tra Vinh University***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 558**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, Sinh**
Field:	***Chemical, Biological***
Người quản lý:	**Trần Thị Hồng Tơ**
Laboratory manager:	***Tran Thi Hong To***
Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** 19 **/05/2025 đến ngày 18/05/2030**
Địa chỉ/ *Address*:	**Số 126 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**
Địa điểm/*Location:*	**Số 126 Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh**
Điện thoại/ *Tel*:	**0294.3681797**
Email:	**cpe@tvu.edu.vn**
Website:	**https://cpe.tvu.edu.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) /Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (Ngọn lửa) *Determination of Iron content* *Flame-Atomic absorption spectrometry method*	0,2 mg/L	AOAC 974.27 SMEWW 3111B: 2023
2.		Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magie Phương pháp chuẩn độ EDTA *Determination of the sum of calcium and magnesium* *EDTA titrimetric method*	5 mg/L	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)
3.		Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (Ngọn lửa) *Determination of Copper content* *Flame-Atomic absorption spectrometry method*	0,09 mg/L	AOAC 974.27 SMEWW3111B: 2023
4.		Xác định hàm lượng O-phosphate Phương pháp quang phổ *Determination of O-phosphate content* *Spectrophotometric method*	0,03 mg/L	HD14-PPT:2019 (Ref. Spectroquant Pharo 100 Phosphate Test 14848)
5.		Xác định hàm lượng Cadmium Phương pháp quang phổ *Determination of Cadmium content* *Spectrophotometric method*	0,002 mg/L	HD15-PPT:2019 (Ref. Spectroquant Pharo 100 Cadmium Test 01745)

Chú thích/ ***Note****:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- SMEWW: *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- AOAC: AOAC International/Association of Official Analytical Chemists
- HDXX-PPT: Phương pháp thử nội bộ/*Laboratory developed method*
- ref: Phương pháp tham khảo/*Reference method*

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh
Field of testing: ***Biological***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) /Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1.	**Thực phẩm** ***Food***	Định lượng vi sinh vật hiếu khí tổng số (TPC) Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of total aerobic microorganisms* *Colony count technique.*		TCVN 4884-1:2015
2.		Định lượng *Escherichia coli* dương tính β-glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of Escherichia coli positive β-glucuronidase* *Colony count technique.*		TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984)
3.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of Coliforms* *Colony count technique.*		TCVN 6848:2007
4.		Định lượng *Bacillus cereus* giả định Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of presumptive Bacillus cereus* *Colony count technique.*		TCVN 7903:2008
5.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (Staphylococcus aureus và các loài khác) Kỹ thuật đếm khuẩn lạc *Enumeration of coagulase positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)* *Colony count technique.*		TCVN 4830-1:2005
6.		Định lượng tổng số nấm men, nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc với sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95 *Enumeration of yeasts and moulds* *Colony count technique in products with water activity less than or equal to 0,95*		TCVN 8275-2:2010

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử *Materials or products tested*	Tên phương pháp thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có) /Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
7.	**Nước uống đóng chai, nước khoáng, nước sạch** ***Bottled drinking water, mineral water, domestic water***	Định lượng *E. coli* và Coliforms Phương pháp màng lọc *Enumeration of E. coli and Coliforms* *Membrane filtration method*		ISO 9308-1:2014/ Amd1:2016
8.		Định lượng vi khuẩn đường ruột (Intestinal enterococci/ Streptococci feacal) Phương pháp màng lọc *Enumeration of intestinal enterococci/ Streptococci feacal* *Membrane filtration method*		TCVN 6189-2:2009
9.		Định lượng vi khuẩn *Pseudomonas aeruginosa* Phương pháp màng lọc *Enumeration of intestinal Pseudomonas aeruginosa* *Membrane filtration method*		TCVN 8881:2011
10.	**Nước uống đóng chai, nước khoáng, nước sạch** ***Bottled drinking water, mineral water, domestic water***	Định lượng vi khuẩn Clostridia Phương pháp màng lọc *Enumeration of intestinal Clostridia* *Membrane filtration method*		TCVN 6191-2:1996

Chú thích/ ***Note****:*

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- ISO: *International Organization for Standardization*
- Amd: bản bổ sung/*Amendment*

Trường hợp Trường Đại học Trà Vinh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trường Đại học Trà Vinh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Tra Vinh University that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*